TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DS-ST.
Ngày: 23/8/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 197/2024/TLST-DS về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" ngày 07 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường T1, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ trụ sở: Số B, Đại lộ Đ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền số 963/QĐ-T ngày 25/10/2021 của Ngân hàng T.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng T:

Bà Trần Thị Phước D, sinh năm 1981 – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân.

Ông Châu Hải B, sinh năm 1982 – Chức vụ: Kiểm soát viên phòng khách hàng cá nhân.

Theo văn bản ủy quyền số 193/GUQ-T.BTE ngày 31/3/2024.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số D, ấp P, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 121, ấp T, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên toà, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày:

Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre (T Bến Tre) có cho ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C vay vốn theo các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020:

- Mục đích vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 1.504,9m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Số tiền vay: 12.400.000.000đồng.

- Tổng dư nợ vay tính đến hết ngày 22/8/2024 là 12.340.626.270đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 11.760.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 579.514.082đồng.

+ Lãi phạt: 1.112.188đồng

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh động cơ xăng dầu

- Số tiền vay: 20.000.000.000 đồng.

- Tổng dư nợ vay tính đến hết ngày 22/8/2024 là 21.323.756.753đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 19.999.019.444đồng;

+ Nợ lãi: 951.904.857đồng.

+ Lãi phạt: 372.832.452đồng

3. Biện pháp đảm bảo nợ vay:

Để đảm bảo cho các khoản vay trên của ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C đã ký kết với Ngân hàng như sau:

3.1. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/09/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung được ký kết giữa ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 1.504,9m^2 đất; nhà ở riêng lẻ cấp 3, diện tích xây dựng 73,4 m^2; diện tích sàn 142,9 m^2 tọa lạc tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số phát hành CX524835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/09/2020.

2.2. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/07/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung được ký kết giữa ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, thế chấp các tài sản sau:

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 2.386,7 m^2 đất (đất HNK) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01. Đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số cấp giấy chứng nhận CC 992057 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/09/2016.

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 1648,7 m^2 đất (đất HNK) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất toạ lạc tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 1, đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 487519 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/11/2017.

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 322,4 m^2 đất (đất CLN) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1, đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 596934 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/12/2017.

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 1059,4 m^2 đất (đất CLN) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 417339 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/03/2018.

3. Quá trình vay vốn:

Tính đến hết ngày 22/8/2024, tổng dư nợ vay của ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C tại T chi nhánh tỉnh Bến Tre là 33.664.383.023đồng, trong đó nợ gốc là 31.759.019.444 đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng.

4. Quá trình xử lý nợ vay:

Ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký, phát sinh nợ quá hạn từ ngày 10/4/2024.

Ngân hàng đã thông báo và gửi thư mời ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C đến làm việc để có biện pháp giải quyết nợ vay quá hạn. Tuy nhiên, ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C không hợp tác, không đến ngân hàng để giải quyết.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023 tính đến hết ngày 22/8/2024 là 33.664.383.023đồng, trong đó: nợ gốc là 31.759.019.444đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng và nợ lãi, phí phát sinh từ ngày 23/8/2024 đến ngày ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

2. Trong trường hợp, ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi, thanh lý tất cả tài sản đã thế chấp theo tất cả các hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C để thu hồi nợ vay của ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bến Tre, cụ thể Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi, thanh lý các tài sản đảm bảo như sau:

- Quyền sử dụng diện tích 1.504,9m^2 đất; nhà ở riêng lẻ cấp 3, diện tích xây dựng 73,4 m^2; diện tích sàn 142,9 m^2 tọa lạc tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX524835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/09/2020.

2.2. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/07/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung được ký kết giữa ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng diện tích 2.386,7 m^2 đất (đất HNK) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01. Đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số cấp giấy chứng nhận CC 992057 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/09/2016.

- Quyền sử dụng diện tích 1648,7 m^2 đất (đất HNK) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất toạ lạc tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 1, đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên

theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 487519 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/11/2017.

- Quyền sử dụng diện tích 322,4 m^2 đất (đất CLN) và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1, đất toạ lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 596934 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/12/2017.

- Quyền sử dụng diện tích 1059,4 m^2 đất (đất CLN) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre do ông Nguyễn Trọng H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 417339 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/03/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Toà án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các giấy triệu tập tham gia phiên họp và phiên toà, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà C vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C. Quan hệ tranh chấp này được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ngân hàng cho rằng ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 10/4/2024. Đến ngày 27/5/2024, ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc khởi kiện của ngân hàng còn trong thời hiệu luật định.

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023 và quá trình tống đạt văn bản tố tụng thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, căn cứ vào các hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày

15/07/2020 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023 thì giữa các bên đương sự có thỏa thuận chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các quy định tại Điều 39, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H, bà C đã được triệu tập tham gia phiên toà theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do. Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 25/6/2024 cho ông H, bà C là đảm bảo quyền được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của bị đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị đơn vẫn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp thêm cho Tòa án các thông báo về nợ quá hạn, biên bản làm việc, các phiếu ủy nhiệm chi và phiếu hạch toán ủy nhiệm chi có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Trọng H. Các tài liệu, văn bản này được cung cấp tại phiên tòa nên sẽ được Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá trong quá trình xét xử theo quy định pháp luật.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện nào khác.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020 có thời hạn vay 240 tháng với hạn mức 12.400.000.000đồng; Bảng kê rút vốn ngày 20/7/2020; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02//2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số

01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/4/2023 với hạn mức 20.000.000.000đồng; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.10/2023/5521067/HĐTD ngày 05/9/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.11/2023/5521067/HĐTD ngày 06/9/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.12/2023/5521067/HĐTD ngày 07/9/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.13/2023/5521067/HĐTD ngày 08/9/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.14/2023/5521067/HĐTD ngày 14/09/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.15/2023/5521067/HĐTD ngày 15/09/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.19/2023/5521067/HĐTD ngày 16/02/2024; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.16/2023/5521067/HĐTD ngày 21/09/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.17/2023/5521067/HĐTD ngày 22/09/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.18/2023/5521067/HĐTD ngày 26/09/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.08/2023/5521067/HĐTD ngày 28/8/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.09/2023/5521067/HĐTD ngày 29/8/2023. Các hợp đồng tín dũng cụ thể này có thời hạn vay là 05 tháng để yêu cầu ông Nguyễn Trọng H, bà Trần Thị C trả nợ cho ngân hàng.

Các tài liệu, chứng cứ mà ngân hàng cung cấp đều có chữ viết và chữ ký của ông H, bà C.

Qúa trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp cho Tòa án. Đồng thời Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT.NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định. Các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng tín dụng cụ thể có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023 và các hợp đồng tín dụng cụ thể kèm theo phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thi hành.

Qúa trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các phiếu ủy nhiệm chi có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Trọng H cụ thể: Ngày 20/7/2020 giải ngân số tiền 12.400.000.000đồng, ngày 05/9/2023 giải ngân số tiền 3.000.000.000đồng, ngày 06/9/2023 giải ngân số tiền 3.000.000.000đồng, ngày 14/9/2023 giải ngân số tiền 2.000.000.000đồng, ngày 15/9/2024 giải ngân số tiền 1.700.000.000đồng, ngày 21/9/2023 giải ngân số tiền 2.200.000.000đồng, ngày 22/9/2023 giải ngân số tiền 2.000.000.000đồng, ngày 26/9/2023 giải ngân số tiền 600.000.000đồng, ngày 07/9/2023 giải ngân số tiền 1.500.000.000đồng, ngày 08/9/2023 giải ngân số tiền 1.000.000.000đồng, ngày 16/02/2024 giải ngân số tiền 1.994.000.000đồng, ngày 29/8/2023 giải ngân số tiền 2.000.000.000đồng.

Tính đến thời điểm ngày 23/8/2024, dư nợ gốc của ông H, bà C là 33.664.383.023đồng, trong đó: nợ gốc là 31.759.019.444 đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật để ông H, bà C đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho ngân hàng, chứng minh mình không vi phạm các điều kiện thu hồi nợ theo các thỏa thuận mà ông H, bà C đã ký với ngân hàng và đồng thời tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông H, bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông H, bà C có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/8/2024 là 33.664.383.023đồng, trong đó: nợ gốc là 31.759.019.444 đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020. Về hình thức các hợp đồng này đều tuân theo hình thức do pháp luật quy định, từng trang của hợp đồng đều có chữ ký, chữ viết của ông H, bà C. Nội dung của hợp đồng thể hiện ông H, bà C đồng ý sử dụng các tài sản thuộc quyền sử dụng của mình để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà ông, bà đã ký với ngân hàng. Qúa trình thực hiện các hợp đồng thế chấp, ông Nguyễn Trọng H đã bàn giao cho ngân hàng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX524835, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06484 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/09/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC992057 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/09/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 487519 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/11/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gán liền với đất số CL 596934 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/12/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 417339 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 14/03/2018. Đồng thới quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà C không có ý kiến phản đối các hợp đồng thế chấp này nên các hợp đồng này phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký và các bên tham gia ký kết có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng.

Do ông H, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên, ngân hàng có quyền xử lý các tài sản thế theo quy định pháp luật là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C thanh toán nợ vay tính đến ngày 23/8/2024 là 33.664.383.023đồng, trong đó nợ gốc là 31.759.019.444đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng và tiếp tục chịu nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng cho đến khi thi hành xong Bản án của Toà án.

Trường hợp ông H, bà C không thực hiện việc trả nợ vay hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thề chấp được nêu trong các hợp đồng thế chấp mà ông H, bà C đã ký với ngân hàng để thu hồi nợ vay.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên nguyên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 112.000.000đồng + (0,1 X (33.664.383.023đồng – 4.000.000.000đồng)) = 141.664.383đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 26, 39, 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 280, 282, 400, 429 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

2. Buộc ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T (Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận) số tiền tính đến ngày 22/8/2024 là 33.664.383.023 (Ba mươi ba tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba)đồng, trong đó: nợ gốc là 31.759.019.444đồng, nợ lãi là 1.905.363.579đồng.

Từ ngày 23/8/2024, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngoài việc trả nợ gốc thì còn phải chịu tiền lãi, lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/5521067/HĐTD ngày 15/07/2020; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5521067/HĐTD ngày 14/04/2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C cho đến khi thi hành xong Bản án của Tòa án.

Trường hợp ông H, bà C không thực hiện việc trả nợ vay hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thề chấp được nêu trong các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5521067/HĐBĐ ngày 15/7/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/5521067/HĐBĐ ngày 18/9/2020 số 01/2020/5521067/SĐBS ngày 21/10/2020 mà ông H, bà C đã ký với ngân hàng để thu hồi nợ vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải nộp. Hoàn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 70.373.000(Bảy mươi triêu ba trăm bảy mươi ba nghìn)đồng được thu theo biên lai số 0002591 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Trọng H, bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 141.664.383(Một trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba)đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền **Nguyễn Thanh Túng** **Trần Thành Ngọc**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi